

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 05-8-2020

V/v: Ly hôn giữa anh Ph và chị V

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Tạ Thị Xuân

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Kiện

2. Ông Nguyễn Văn Kiệt

**Thư ký phiên tòa:** Ông Lý Văn Toán – Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 05 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 223/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2020, về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2020/QĐXX-ST ngày 17 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1982 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Ngọc V, sinh năm 1991

Địa chỉ: ấp Ph, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

(Có đơn xin vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 12-5-2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn Ph trình bày:*

- Về hôn nhân: Vào năm 2008 anh Nguyễn Văn Ph và chị Nguyễn Ngọc V tự nguyện quen biết, yêu thương nhau và được sự đồng ý của cha mẹ hai bên nên anh và chị V tiến hành tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc nhưng năm 2014 thì vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn với nhau, lý do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, không hợp nhau nên thường hay cãi vã dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, anh và chị V đã ly thân từ năm 2014 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu được ly hôn với chị V và yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống anh Ph và chị V có 01 con chung tên Nguyễn Văn Ph, sinh ngày 16-5-2012, hiện nay anh Ph đang nuôi dưỡng. Anh Ph yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Ph và không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh Ph xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Chị Nguyễn Ngọc V trình bày tại Tòa án:*

Chị V thống nhất với lời trình bày của anh Ph về hôn nhân, về nguyên nhân mâu thuẫn cũng như về con chung, về tài sản chung và nợ chung không có là đúng. Chị và anh Ph đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay.

Nay anh Ph xin ly hôn, chị V cũng đồng ý ly hôn và yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

- Về con chung: Chị V đồng ý giao con chung tên Nguyễn Văn Ph, sinh ngày 16-5-2012 cho anh Ph trực tiếp nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị V xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị V có đơn xin vắng mặt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghị án, Tòa án nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Chị Nguyễn Ngọc V có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Nguyễn Văn Ph và chị Nguyễn Ngọc V chung sống với nhau vào năm 2008 trên cơ sở hôn nhân hoàn toàn tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn là không tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật, nên đây là hôn nhân không hợp pháp, vì đã vi phạm khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”.

Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”

Do đó, không công nhận anh Nguyễn Văn Ph và chị Nguyễn Ngọc V là vợ chồng là phù hợp pháp luật.

[3] *Về nuôi con chung*: Anh Nguyễn Văn Ph và chị Nguyễn Ngọc V có 01 con chung tên Nguyễn Văn Ph, sinh ngày 16-5-2012 hiện nay anh Ph đang nuôi dưỡng, anh Ph và chị V thống nhất thỏa thuận giao con chung cho anh Ph nuôi dưỡng (phù hợp với nguyện vọng của cháu Ph), anh Ph không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con, vì anh có đủ điều kiện kinh tế nuôi con được. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận nuôi con chung giữa anh Ph và chị V. Anh Ph không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Trong quá trình giải quyết vụ án anh Ph và chị V đều xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Anh Nguyễn Văn Ph là nguyên đơn trong vụ án, do đó anh Ph phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng theo quy định tại Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án và tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều 28, 147, 227, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Văn Ph và chị Nguyễn Ngọc V.

2. Về nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa anh Nguyễn Văn Ph và chị Nguyễn Ngọc V về việc giao cháu Nguyễn Văn Ph, sinh ngày 16-5-2012 cho anh Ph trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Ph không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Văn Ph và chị Nguyễn Ngọc V đều xác nhận không có tài sản chung và nợ chung.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn Ph phải nộp 300.000 đồng nhưng anh Ph được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002371 ngày 15-5-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, anh Ph không phải nộp thêm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự,

người phải thi hành án dân sự có quyền<sup>4</sup>thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014”.

**5. Quyền kháng cáo:** Anh Nguyễn Văn Ph có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Ngọc V vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA dân sự huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Đã ký)

**Tạ Thị Xuân**